



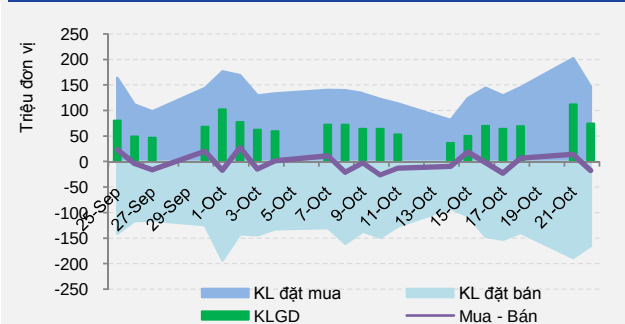
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 22/10/2013

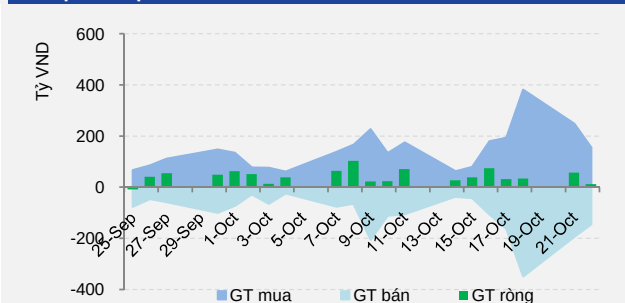
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	500.6	61.7
% Thay đổi	↓ -0.2%	↓ -0.4%
KLGD (CP)	74,970,860	29,738,862
GTGD (tỷ đồng)	1,041.67	254.11
Tổng cung (CP)	165,159,270	64,206,100
Tổng cầu (CP)	147,511,240	50,948,900

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	3,782,230	490,100
KL mua (CP)	3,646,270	2,214,550
GTmua (tỷ đồng)	156.58	18.73
GT bán (tỷ đồng)	144.60	7.53
GT ròng (tỷ đồng)	11.98	11.20

Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -0.41%	7.5	1.6	1.6%
Công nghiệp	↓ -0.13%	609.2	1.0	25.0%
Dầu khí	↓ -0.72%	7.5	1.6	2.6%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.14%	13.7	1.8	1.9%
Dược phẩm và Y tế	↓ -1.90%	8.8	2.9	1.4%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.63%	12.4	4.9	15.3%
Ngân hàng	↓ -0.46%	7.2	1.3	3.6%
Nguyên vật liệu	↓ -0.10%	9.0	2.0	8.6%
Tài chính	↓ -0.02%	17.7	2.5	30.2%
Tiện ích Cộng đồng	↑ 0.69%	9.1	3.4	9.9%
VN - Index	↓ -0.20%	13.0	2.9	80.4%
HNX - Index	↓ -0.44%	32.3	1.5	19.6%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE				
	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	304,000	0.4%	1,545,850	2.1%
GTGD (tỷ VND)	5,797	0.6%	28,442	2.7%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: Chỉ số VN-Index đảo chiều giảm điểm khi tiến đến ngưỡng cản kỹ thuật 503 điểm, sau 5 phiên tăng điểm liên tiếp. Mức độ dao động toàn thị trường hẹp, lực cầu giá thấp khá tốt trong phiên điều chỉnh chưa cho tín hiệu tiêu cực về tâm lý nhà đầu tư. Dòng tiền có xu hướng luân chuyển sang nhóm cổ phiếu có thời gian tích lũy hoặc kỳ vọng có thông tin hỗ trợ. Các chỉ báo kỹ thuật tiếp tục cho tín hiệu về xu hướng tăng điểm. Thị trường dự báo tiếp tục diễn biến điều chỉnh tích lũy quanh mốc 500 điểm trước khi bứt phá khỏi vùng này.

Chỉ số HNX-Index đảo chiều giảm điểm sau 5 phiên tăng điểm liên tiếp. Mức độ giảm điểm thấp với thanh khoản giảm mạnh chưa cho tín hiệu tiêu cực về kỹ thuật. Ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật của thị trường là khoảng 61 điểm. Chúng tôi duy trì quan điểm xu hướng tăng điểm của thị trường chưa kết thúc với ngưỡng cản cần quan tâm là khoảng 63 điểm.

Nhà đầu tư nên tiếp tục nắm giữ cổ phiếu, tuy nhiên việc gia tăng tỷ trọng cần cân nhắc kỹ hơn, tránh mua đuổi giá cao trong phiên.

- VN-Index đảo chiều giảm 1 điểm (0.2%), xuống 500.57 điểm sau 5 phiên tăng liên tiếp. Mức thấp nhất của chỉ số trong phiên là 498.74 điểm.

- HNX-Index cũng đảo chiều giảm 0.28 điểm (0.45%), xuống 61.66 điểm, sau 5 phiên tăng liên tiếp.

- Theo VAMC, kể từ khoản nợ xấu đầu tiên mua của Agribank vào ngày 1/10/2013, hiện công ty này đã mua được 8700 tỷ đồng nợ xấu gốc từ 8 TCTD, với tổng giá trị trái phiếu đặc biệt phát hành khoảng 6500 tỷ đồng. Theo kế hoạch, trong tuần này VAMC sẽ tiếp tục mua nợ xấu của 5 ngân hàng, dự kiến đến cuối tháng sẽ mua khoảng 10 nghìn tỷ đồng nợ xấu bằng trái phiếu đặc biệt. Hoạt động cơ cấu lại khoản nợ đối với doanh nghiệp có nợ xấu, bán lại nợ sẽ được thực hiện từ đầu năm 2014.

- Tập đoàn Công nghiệp than - khoáng sản Việt Nam TKV đã điều chỉnh tăng giá bán than cho điện thêm 14%, áp dụng từ 1/8/2013. Đây là lần thứ hai TKV điều chỉnh tăng giá bán than cho điện, sau lần tăng 37-41% từ ngày 20/4/2013. Với lần điều chỉnh tăng mạnh vào tháng 4, giá than bán cho điện bằng 80-85% giá thành sản xuất năm 2013. Như vậy với mức tăng 14% này, giá than bán cho điện sẽ tương đương 91-97% giá thành sản xuất năm 2013, tiến gần mục tiêu bù lỗ của TKV. Theo TKV, giá bán than cho điện năm 2014 cũng tiếp tục thực hiện mục tiêu thị trường, bù đắp chi phí và có lãi. Áp lực tăng giá than trong năm 2014 vẫn hiện hữu, khi TKV cho biết chi phí khai thác than ở tầm sâu hơn sẽ tiếp tục gia tăng. Tuy nhiên việc giá than bán cho điện đã được điều chỉnh tăng sát giá thành năm 2013 sẽ giúp giảm áp lực tăng mạnh giá than trong thời gian tới.

Tác động của việc tăng giá than đối với doanh nghiệp nhiệt điện là không nhiều, do chi phí tăng thêm sẽ được tính vào giá thành bán cho EVN, biên lợi nhuận của doanh nghiệp không đổi. Mặt khác, nhu cầu huy động điện năng từ nhiệt điện sẽ giảm trong nửa cuối năm, chuyển sang huy động từ thủy điện. Do vậy tác động từ việc điều chỉnh giá than bán cho điện đối với EVN những tháng cuối năm dự kiến không lớn. Trước đó, EVN đã tuyên bố từ nay đến cuối năm sẽ không điều chỉnh giá điện. Tháng 12/2013, EVN sẽ tính toán giá thành thực hiện năm 2013 và lộ trình điều chỉnh giá điện năm 2014, trình Bộ Công thương và Chính phủ phê duyệt.

VN-INDEX


Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Điều chỉnh	Tăng	Đi ngang

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Điều chỉnh	Tăng	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- VN-Index đảo chiều giảm 1 điểm (0.2%), xuống 500.57 điểm sau 5 phiên tăng liên tiếp. Mức thấp nhất của chỉ số trong phiên là 498.74 điểm.

- KLGD giảm mạnh so với phiên trước, xuống 68.5 triệu đơn vị, nhưng vẫn ở mức cao, tương đương trung bình 21 ngày.

- Chỉ số RSI giảm nhẹ xuống mức 62 điểm, tâm lý thị trường vẫn lạc quan.

Nhận định: Chỉ số VN-Index đảo chiều giảm điểm khi tiến đến ngưỡng cản kỹ thuật 503 điểm, sau 5 phiên tăng điểm liên tiếp.

Mức độ dao động toàn thị trường hẹp, lực cầu giá thấp khá tốt trong phiên điều chỉnh chưa cho tín hiệu tiêu cực về tâm lý nhà đầu tư. Dòng tiền có xu hướng luân chuyển sang nhóm cổ phiếu có thời gian tích lũy hoặc kỳ vọng có thông tin hỗ trợ. Các chỉ báo kỹ thuật tiếp tục cho tín hiệu về xu hướng tăng điểm. Thị trường dự báo tiếp tục diễn biến điều chỉnh tích lũy quanh mốc 500 điểm trước khi bứt phá khỏi vùng này. Nhà đầu tư nên tiếp tục nắm giữ cổ phiếu, tuy nhiên việc gia tăng tỷ trọng cần cân nhắc kỹ hơn, tránh mua đuổi giá cao trong phiên.

HNX-INDEX

- HNX-Index cũng đảo chiều giảm 0.28 điểm (0.45%), xuống 61.66 điểm, sau 5 phiên tăng liên tiếp.

- KLGD giảm 50% so với phiên hôm trước, xuống 24.6 triệu cổ phiếu giao dịch.

- Chỉ số RSI giảm nhẹ xuống 60 điểm, tâm lý thị trường vẫn nghiêng về lạc quan.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index đảo chiều giảm điểm sau 5 phiên tăng điểm liên tiếp. Mức độ giảm điểm thấp với thanh khoản giảm mạnh chưa cho tín hiệu tiêu cực về kỹ thuật. Ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật của thị trường là khoảng 61 điểm. Chúng tôi duy trì quan điểm xu hướng tăng điểm của thị trường chưa kết thúc với ngưỡng cản kỹ thuật cản quan tâm là khoảng 63 điểm. Nhà đầu tư có thể tiếp tục nắm giữ hoặc gia tăng tỷ trọng cổ phiếu ở mức độ vừa phải, ưu tiên vào cổ phiếu cơ bản có thanh khoản cao.

TOP CỔ PHIẾU CÓ LỢI NHUẬN Q3 TĂNG TRƯỞNG SO CÙNG KỲ CAO NHẤT

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q3	% so Q3.2012	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	DT 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LNST 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LN 9T so KH2013	Sở hữu NN
1	PXS	HOSE	303.33	121.5%	33.48	1665.7%	681.75	68.1%	49.18	79.2%	49.8%	1.4%
2	HQC	HOSE	99.18	121.8%	15.12	1468.0%	383.09	223.4%	27.95	202.4%	37.3%	1.9%
3	CMI	HNX	22.48	791.5%	5.05	1052.1%	23.22	81.8%	0.79	4.6%	3.4%	0.1%
4	NDN	HNX	54.5	144.6%	10.11	568.0%	109.45	115.5%	16.75	365.7%	134.8%	0.1%
5	KMR	HOSE	119.42	120.1%	11.97	532.0%	268.49	93.8%	14.19	426.1%	114.9%	20.8%
6	VPH	HOSE	237.3	1316.1%	9.83	330.2%	288.49	379.4%	10.51	374.4%	26.2%	3.1%
7	APS	HNX	4.15	92.0%	0.7	280.0%	15.67	60.1%	4.58	37.4%	39.9%	14.0%
8	VND	HNX	51.35	102.1%	22.89	228.2%	185.72	93.9%	117.65	167.8%	155.3%	16.6%
9	KSD	HNX	15.57	66.8%	1.11	223.3%	56.03	46.3%	-1.32	96.1%	-44.0%	0.1%
10	WSS	HNX	4.92	78.0%	4.83	219.6%	15.22	54.5%	5.1	262.9%	222.7%	4.4%

TOP CỔ PHIẾU CÓ LỢI NHUẬN 9T TĂNG TRƯỞNG SO CÙNG KỲ CAO NHẤT

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q3	% so Q3.2012	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	DT 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LNST 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LN 9T so KH2013	Sở hữu NN
1	FCM	HOSE	22.69	#DIV/0!	-5.28	0.0%	253.64	314.5%	16.38	20475.0%	17.1%	3.7%
2	KMR	HOSE	119.42	120.1%	11.97	532.0%	268.49	93.8%	14.19	426.1%	114.9%	20.8%
3	VPH	HOSE	237.3	1316.1%	9.83	330.2%	288.49	379.4%	10.51	374.4%	26.2%	3.1%
4	NDN	HNX	54.5	144.6%	10.11	568.0%	109.45	115.5%	16.75	365.7%	134.8%	0.1%
5	KLS	HNX	39.23	114.9%	20.16	122.0%	127.15	65.2%	97.61	335.0%	24.1%	4.6%
6	WSS	HNX	4.92	78.0%	4.83	219.6%	15.22	54.5%	5.1	262.9%	222.7%	4.4%
7	HQC	HOSE	99.18	121.8%	15.12	1468.0%	383.09	223.4%	27.95	202.4%	37.3%	1.9%
8	HPG	HOSE	4194.85	104.3%	496.09	171.8%	12474.01	98.8%	1464.62	178.9%	122.1%	43.9%
9	VND	HNX	51.35	102.1%	22.89	228.2%	185.72	93.9%	117.65	167.8%	155.3%	16.6%
10	VDS	HNX	18.26	120.8%	-1.27	88.2%	76.73	93.7%	3.87	151.8%	20.6%	0.1%

TOP CỔ PHIẾU CÓ TỶ LỆ HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH NĂM 2013

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q3	% so Q3.2012	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	DT 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LNST 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LN 9T so KH2013	Sở hữu NN
1	BSI	HOSE	54.21	162.5%	5.16	167.1%	155.16	81.1%	9.23	19.4%	406.6%	0.6%
2	WSS	HNX	4.92	78.0%	4.83	219.6%	15.22	54.5%	5.1	262.9%	222.7%	4.4%
3	PGD	HOSE	1721.1	122.0%	60.02	126.6%	4768.54	117.5%	202.81	128.9%	156.7%	3.1%
4	VND	HNX	51.35	102.1%	22.89	228.2%	185.72	93.9%	117.65	167.8%	155.3%	16.6%
5	BTP	HOSE	262.28	105.1%	10.52	50.6%	1053.25	115.0%	80.57	104.6%	149.8%	1.4%
6	BVS	HNX	51.47	119.4%	21.97	212.3%	153.3	96.2%	78.6	103.5%	135.2%	2.2%
7	NDN	HNX	54.5	144.6%	10.11	568.0%	109.45	115.5%	16.75	365.7%	134.8%	0.1%
8	CSM	HOSE	805.09	105.9%	89.15	116.1%	2332.6	102.2%	257.73	138.4%	125.0%	12.8%
9	HPG	HOSE	4194.85	104.3%	496.09	171.8%	12474.01	98.8%	1464.62	178.9%	122.1%	43.9%
10	KMR	HOSE	119.42	120.1%	11.97	532.0%	268.49	93.8%	14.19	426.1%	114.9%	20.8%

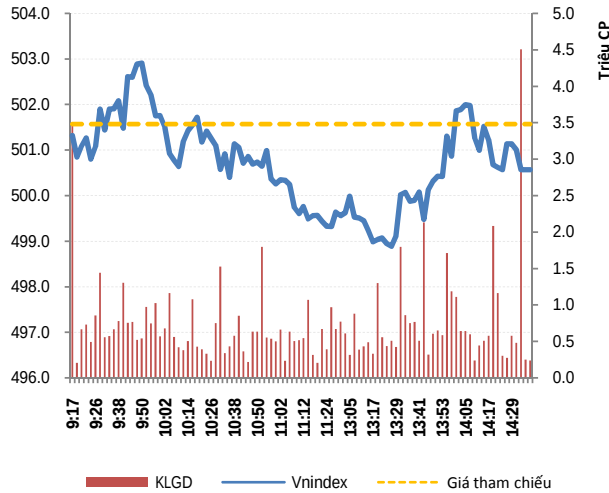
Ghi chú: EPS, ROA và ROE tính theo dữ liệu bốn quý gần nhất (trừ khi ghi chú khác)

BV tính theo báo cáo tài chính quý gần nhất

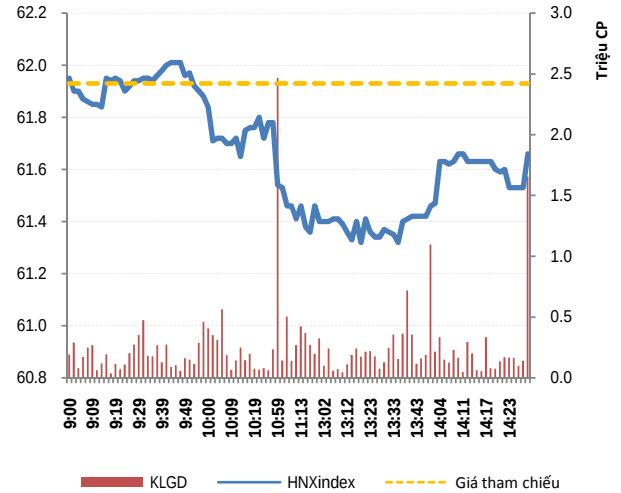
Giá lấy theo giá đóng cửa ngày 22/10/2013.

KLGD bình quân trong 1 tháng gần nhất trên 50.000 cổ phiếu/phiên

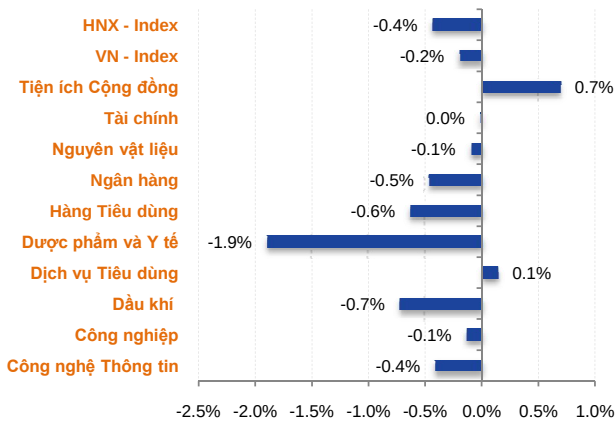
KLGD và VN-Index trong phiên



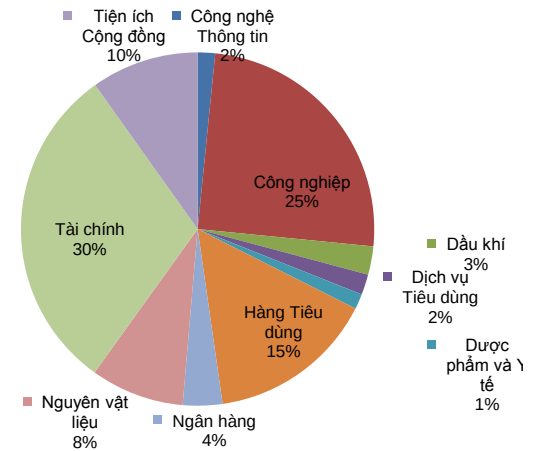
KLGD và HNX-Index trong phiên



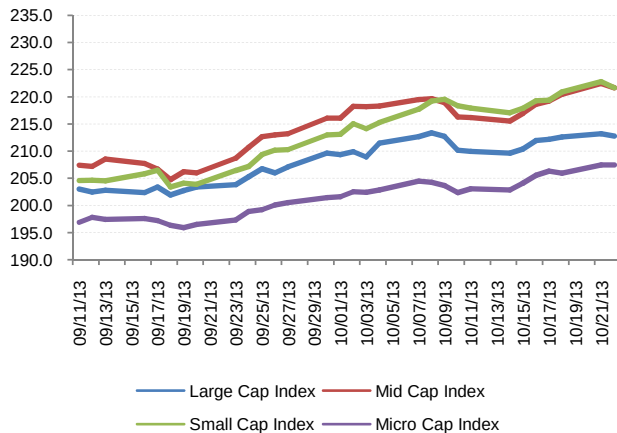
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



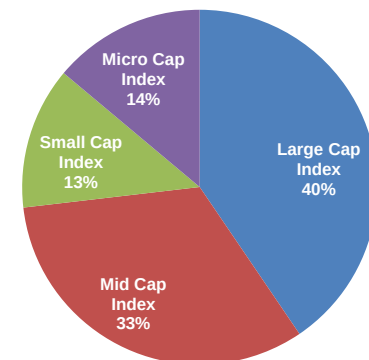
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	GMD	232,750	OGC	346,120
2	TDH	176,000	VSH	254,090
3	SBT	170,700	HBC	210,000
4	VIC	121,910	CII	208,500
5	STB	117,600	FCN	87,030

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SHB	558,800	PVS	25,000
2	AME	302,050	DBC	5,100
3	IDJ	251,700	SHS	5,000
4	SDH	189,000	VND	5,000
5	PVX	173,900	PVI	3,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ITA	6.4	6.4	→ 0.00%	4,794,150
HAG	22.6	22.4	↓ -0.88%	3,255,220
HQC	6.5	6.4	↓ -1.54%	2,596,430
FCN	17.3	16.7	↓ -3.47%	2,508,210
OGC	10.7	10.6	↓ -0.93%	2,484,330

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
VCS	9.8	9.4	↓ -3.74%	4,100,600
SHB	7.0	7.0	↓ -0.09%	2,890,459
SCR	5.8	5.8	↑ 0.19%	2,230,462
VCG	9.1	9.1	↓ -0.01%	1,823,552
VND	9.4	9.3	↓ -1.21%	1,422,336

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PXM	0.8	0.9	0.1	↑ 12.50%
NHW	11.6	12.4	0.8	↑ 6.90%
KAC	6.0	6.4	0.4	↑ 6.67%
STG	21.0	22.4	1.4	↑ 6.67%
SZL	13.6	14.5	0.9	↑ 6.62%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VE4	8.0	8.8	0.8	↑ 10.00%
S55	25.5	28.0	2.5	↑ 9.80%
SDG	19.8	21.7	1.9	↑ 9.54%
INC	3.2	3.5	0.3	↑ 9.38%
VNF	12.9	14.1	1.2	↑ 9.30%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CNT	2.9	2.7	-0.2	↓ -6.90%
VST	2.9	2.7	-0.2	↓ -6.90%
CMT	6.0	5.6	-0.4	↓ -6.67%
SVT	7.9	7.4	-0.5	↓ -6.33%
FCM	9.7	9.1	-0.6	↓ -6.19%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HHL	0.7	0.6	-0.1	↓ -14.29%
S12	3.0	2.7	-0.3	↓ -10.00%
FDT	36.9	33.3	-3.6	↓ -9.76%
BDB	6.2	5.6	-0.6	↓ -9.68%
GMX	12.6	11.4	-1.2	↓ -9.52%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	4,794,150	0.3%	31	209.1	0.5
HAG	3,255,220	5.0%	938	23.9	1.3
HQC	2,596,430	4.2%	452	14.2	0.6
FCN	2,508,210	29.7%	4,542	3.7	0.7
OGC	2,484,330	-0.4%	(39)	-	1.0

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VCS	4,100,600	6.7%	1,273	7.2	0.5
SHB	2,890,459	-2.9%	(335)	-	0.6
SCR	2,230,462	-3.1%	(450)	-	0.4
VCG	1,823,552	1.3%	150	60.6	0.8
VND	1,422,336	10.9%	1,265	7.3	0.8

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PXM	↑ 12.5%	-1010.2%	(14,249)	-	(0.1)
NHW	↑ 6.9%	11.4%	1,413	8.8	1.0
KAC	↑ 6.7%	0.2%	23	275.5	0.5
STG	↑ 6.7%	16.9%	2,661	8.4	1.4
SZL	↑ 6.6%	11.4%	3,202	4.5	0.6

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VE4	↑ 10.0%	12.1%	1,741	5.1	0.6
S55	↑ 9.8%	18.4%	10,109	2.8	0.5
SDG	↑ 9.5%	20.8%	3,236	6.6	1.3
INC	↑ 9.4%	4.5%	541	6.5	0.3
VNF	↑ 9.3%	8.7%	2,120	6.7	0.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
GMD	232,750	4.7%	1,866	15.6	0.7
TDH	176,000	0.1%	49	249.8	0.4
SBT	170,700	18.3%	2,394	5.3	1.1
VIC	121,910	38.3%	4,976	13.4	4.2
STB	117,600	4.9%	621	28.2	1.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	558,800	-2.9%	(335)	-	0.6
AME	302,050	25.6%	2,362	2.2	0.5
IDJ	251,700	-1.9%	(185)	-	0.3
SDH	189,000	-16.1%	(1,276)	-	0.5
PVX	173,900	-67.8%	(4,616)	-	0.6

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	123,175	41.6%	6,429	10.1	3.8
VNM	117,520	40.5%	7,699	18.3	6.9
VCB	68,132	9.9%	1,785	16.5	1.7
CTG	64,787	19.2%	2,588	6.7	1.2
VIC	60,430	38.3%	4,976	13.4	4.2

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	14,376	0.3%	41	383.2	1.2
SQC	8,602	5.8%	720	108.7	6.3
PVS	7,147	16.4%	2,738	5.8	1.0
SHB	6,114	-2.9%	(335)	-	0.6
OCH	4,800	6.5%	582	41.3	2.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
TS4	2.87	7.9%	1,504	5.5	0.4
NKG	2.57	-20.2%	(2,085)	-	0.8
CLG	2.50	9.9%	1,250	7.3	0.8
SGT	2.13	-41.0%	(2,320)	-	0.4
GMD	1.92	4.7%	1,866	15.6	0.7

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
SHN	5.21	-123.3%	(3,000)	-	0.7
HDA	4.15	14.3%	1,841	5.9	0.8
TTZ	3.85	1.3%	135	22.9	0.3
VAT	3.17	-9.0%	(1,079)	-	0.4
PVV	3.17	-24.8%	(2,293)	-	0.3



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Lầu 3, tòa nhà Artex, 236-238 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)